

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ GPMB
DỰ ÁN: ĐƯỜNG HOÀNG SA- DỐC SỎI, (ĐOẠN QUA BÌNH TÂN PHÚ (CŨ)- ĐỢT 3
ĐỊA ĐIỂM: XÃ ĐÔNG SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Quyết định số 1895 /QĐ-UBND ngày 29 /9/2025 của Chủ tịch UBND xã Đông Sơn)

Họ và tên: hộ ông Trần Thiện Minh
Địa chỉ: xã Đông Sơn, tỉnh Quảng Ngãi
CCCD Số: 051056009158

TT	Tên Tài sản	Số thửa	Tờ BĐ	Diện tích thửa (m2)	Diện tích/ Số lượng bồi thường	ĐVT	TLBT,H T (%)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (Đồng)	Nguồn gốc đất
A	ĐẤT ĐAI (I+II)								103.646.250	
I	Bồi thường đất nông nghiệp								23.032.500	
1	Đất rừng sản xuất (RSX) vị trí 2, xã đồng bằng (37.000 * 1,0 = 37000 đ/m2)	132	1	564	564,00	m2	564,00	37.000	20.868.000	Đất khai hoang năm 1980
2	Đất rừng sản xuất (RSX) vị trí 2, xã đồng bằng (37.000 * 1,0 = 37000 đ/m2)	1054	1	10759	58,50	m2	58,50	37.000	2.164.500	
II	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp								80.613.750	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đối với đất trồng rừng sản xuất, vị trí 2, xã đồng bằng (37.000 x 3,5 = 129500 đ/m2)	132	1	564	564,00	m2	564,00	129.500	73.038.000	
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đối với đất trồng rừng sản xuất, vị trí 2, xã đồng bằng (37.000 x 3,5 = 129500 đ/m2)	1054	1	10759	58,50	m2	58,50	129.500	7.575.750	
B	CÂY CỐI HOA MÀU								45.044.000	
	Phần bồi thường cây cối hoa màu									
1	Keo - Cây có đường kính gốc >12cm đến <= 16cm (thửa 132, tờ 1)	132	1	564	132,00	cây	132,00	180.000	23.760.000	
2	Keo - Cây có đường kính gốc > 8cm đến <= 12cm (thửa 132, tờ 1)	132	1	564	89,00	cây	89,00	136.000	12.104.000	
3	Keo - Cây có đường kính gốc > 4cm đến <= 8cm	1054	1	58,5	56,00	cây	56,00	90.000	5.040.000	
4	Keo - Cây có đường kính gốc >12cm đến <= 16cm (thửa 1054, tờ 1)	1054	1	58,5	23,00	cây	23,00	180.000	4.140.000	
TỔNG CHI PHÍ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VÀ HỖ TRỢ (A+B)									148.690.250	

Bảng chữ: Một trăm bốn mươi tám triệu, sáu trăm chín mươi nghìn, hai trăm năm mươi đồng